

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

THÁNG 10 NĂM 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: 1000 Đồng

STT	NỘI DUNG	Số dư cuối tháng	Số dư đầu tháng
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	358,616,963	402,247,729
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30,320,072	18,629,727
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14,279,197	14,779,197
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	183,642,724	193,884,562
4	Hàng tồn kho **	99,884,430	135,918,211
5	Tài sản ngắn hạn khác	30,490,540	39,036,032
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	175,088,095	172,746,295
2	Tài sản cố định	98,656,870	95,089,194
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	74,302,791	74,302,791
5	Tài sản dài hạn khác	2,128,434	3,354,310
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	533,705,058	574,994,024
IV	NỢ PHẢI TRẢ	277,750,748	322,904,861
1	Nợ ngắn hạn	244,188,589	288,342,701
	- Trong đó : Vay ngân hàng	0	128,122,288
2	Nợ dài hạn	33,562,159	34,562,160
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	255,954,310	252,089,163
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	254,600,481	250,367,931
	- Trong đó : Vốn góp cổ phần	109,967,770	109,967,770
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,353,829	1,721,232
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	533,705,058	574,994,024

Ghi chú:

Hàng tồn kho ** : Tương đương số lượng tồn kho là: 9.094 tấn ,

Trong đó: Người mua đặt hàng trả tiền trước là: 3.294 tấn .

II. KẾT QUẢ KINH DOANH THÁNG 10-2008

Đơn vị tính: 1000 Đồng

	CHỈ TIÊU	Phát sinh tháng	LŨY KẾ
1	Doanh thu thuần	195,021	3,384,584
2	Giá vốn hàng bán	184,358	3,240,783

3	Lợi nhuận gộp	10,663	143,801
4	Doanh thu tài chính	884	3,517
5	Chi phí tài chính	1,665	25,266
	<u>Trong đó:</u> Lãi vay ngân hàng	1,662	24,161
6	Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	4,963	48,462
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,919	73,590
8	Lợi nhuận khác	2	842
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	4,921	74,432
10	Tạm tính thuế thu nhập Doanh nghiệp (14%)	689	10,575
11	Lợi nhuận sau thuế	4,232	63,857

Lập ngày 06 tháng 11 năm 2008.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)